

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH
NĂM 2010****I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Những sự kiện quan trọng:**

+ **Việc thành lập:** Công ty Xi măng Thái Bình là doanh nghiệp nhà nước, hạch toán kinh tế độc lập theo quyết định số 163/TC ngày 15/12/1979 của UBND Tỉnh Thái Bình.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty gồm: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm Xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng khác.

Tổng số cán bộ công nhân viên tại ngày 31/12/2010 là: 262 người

Trong đó cán bộ quản lý là: 40 người

Trụ sở chính của Công ty tại số 01, Đường Quách Đình Bảo, Phường Tiền phong, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

+ Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần:

- Theo Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1998 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty Xi măng Thái Bình được cổ phần hoá và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần trong đó vốn cổ đông 100%.

- Ngày 22/10/2001 UBND Tỉnh Thái Bình có quyết định số 1343/QĐ-UB về việc chuyển đổi Công ty Xi măng thành Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình với tổng vốn điều lệ là 7.500.000.000 đồng (*Bảy tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*) và 284 cổ đông.

- Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình được tổ chức và hoạt động theo luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đăng ký kinh doanh theo luật định.

- Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 15.102.800.000 đồng với 1.510.280 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1000283494 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Bình cấp lần thứ 4 ngày 27/12/2010.

+ Niêm yết:

Thực hiện các quy định hiện hành đối với Công ty đại chúng của Ủy ban Chứng khoán nhà nước. Sau khi xin ý kiến của các cổ đông (đại hội cổ đông thường niên năm 2007) Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình đã tiến hành làm thủ tục xin đăng ký niêm yết. Ngày 18/11/2008 cổ phiếu Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình với mã cổ phiếu là TBX chính thức được giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (*nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội*).

2. Quá trình phát triển:

- Khi thành lập Công ty chỉ sản xuất một loại Xi măng Poóc-lăng thường (*Xi măng đen*) theo thiết kế ban đầu với hai lò đứng công suất nung luyện Clinker Xi măng Poóc-lăng thường là 5.000 tấn/lò/năm x 2 lò = 10.000 tấn Clinker/năm, thiết bị do trong nước chế tạo, công nghệ lạc hậu, Clinker ra lò từng mẻ một do đó chất lượng Xi măng không ổn định, năng suất thấp, lao động nặng nhọc, độc hại, công suất năm cao nhất đạt sản lượng 5.000 tấn Xi măng/năm.

- Năm 1982 khi nguồn khí mỏ thiên nhiên tại Tiền Hải - Thái Bình được khai thác, Công ty đã nhanh chóng chớp thời cơ đầu tư mở rộng sản xuất thành lập phân xưởng nung luyện Clinker trắng tại Long Hậu - Đông Lâm - Tiền Hải với 2 lò đứng công suất 500 tấn Xi măng trắng/năm, sản xuất loại Xi măng có giá trị kinh tế kỹ thuật cao phục vụ nhu cầu công tác trang trí nội thất các công trình xây dựng. Hội chợ triển lãm hàng công nghiệp Việt nam tại Giảng Võ năm 1985 sản phẩm Xi măng trắng Thái Bình đạt giải thưởng "Huy chương bạc". Với tinh thần lao động sáng tạo, không quản ngại khó khăn gian khổ hăng hái trong việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ tận dụng nguồn khí mỏ để sản xuất ra sản phẩm có giá trị kinh tế kỹ thuật cao cung cấp cho nhu cầu xây dựng trong nước, tiết kiệm nguồn ngoại tệ hạn hẹp Công ty đã đầu tư chiều sâu ứng dụng đề tài khoa học cấp Nhà nước về nâng cao chất lượng Xi măng (26A-05-4b), năm 1992 đưa thiết bị lò quay liên hợp vào nung luyện Clinker trắng, đưa công suất nung luyện của phân xưởng Xi măng Long Hậu từ 1.000 tấn/năm lên lên 3.000 tấn/năm. Năm 1996 đầu tư bổ sung thiết bị lò đưa năng suất lên 10.000 tấn Xi măng trắng/năm. Năm 2002 công ty thực hiện đầu tư chiều sâu đổi mới thiết bị công nghệ tại phân xưởng ở phường Tiền Phong thị xã Thái Bình sản xuất Xi măng Poóclăng trắng nhiên liệu là dầu FO thay thế cho việc sản xuất Xi măng Poóclăng thường, nâng công suất của Công ty từ 10.000 tấn/năm lên 30.000 tấn Xi măng trắng/năm.

- Kết quả chất lượng Xi măng trắng ổn định và không ngừng được nâng cao đạt Tiêu chuẩn Việt Nam 5691-2000, được khách hàng trong cả nước tín nhiệm, đủ sức cạnh tranh với Xi măng trắng ngoại nhập cả về giá cả, chất lượng, mặt khác với việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật khoa học công nghệ vào sản xuất đã cơ giới hoá khâu nung luyện Clinker, cải tạo điều kiện làm việc độc hại cho người lao động, tạo dựng phong cách làm việc công nghiệp góp phần bảo vệ môi trường.

- Nếu thời kỳ đầu từ năm 1979 đến năm 1992 công nghệ sản xuất Xi măng là bán khô, thiết bị là lò đứng lạc hậu thì từ năm 1992 đến 2002 công nghệ sản xuất Xi măng Poóclăng trắng là công nghệ bán khô với thiết bị lò quay liên hợp. Đặc biệt phân xưởng tại phường Tiền Phong thị xã từ năm 2003 công nghệ sản xuất là công nghệ khô.

- Thiết bị lò quay liên hợp, nhiên liệu là dầu FO, khắc phục được tình trạng nguồn khí mỏ ở Tiền Hải ngày một cạn kiệt dần, tiết kiệm năng lượng do không phải tiêu tốn một lượng nhiên liệu để sấy khô bột phối liệu có độ ẩm từ 14% xuống còn 2-3%, tạo điều kiện có thêm sản phẩm cung cấp cho nhu cầu thị trường, tạo việc làm ổn định cho người lao động đồng thời tạo nguồn thu để đóng góp cho ngân sách Nhà nước tỉnh.

- Nhờ ứng dụng tiến Bộ của KHKTCN, đổi mới thiết bị công nghệ trong thời gian ngắn từ 1979-2003 mà sản lượng Xi măng Poóclăng trắng tăng gấp 40 lần trong khi đó lao động chỉ tăng 1,5 lần, mặt bằng sản xuất của Công ty được quy hoạch mở rộng tăng 1,9 lần, hệ thống cấp điện, nước, thoát nước hoàn thiện ổn định cho việc phát triển lâu dài.

- Về chất lượng sản phẩm. Nhờ có đổi mới thiết bị công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất. Đạt độ trắng $\geq 70\%$ so với độ trắng tuyệt đối, $\geq 80\%$ so với BaSO₄. Cường độ đạt TCVN 5691-2000. Từ năm 1979 đến nay sản phẩm Xi măng Poóclăng trắng của Công ty đã được ban tổ chức hội chợ tặng thưởng các huy chương.

- Năm 1985 Ban tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp Việt nam tại Giảng võ tặng "Huy chương bạc".

- Năm 1993 được Bộ Xây dựng tặng bằng khen về chất lượng sản phẩm Xi măng trắng.

- Tháng 12/1993 Công ty được tặng thưởng đồng giải nhất (*Công ty Bách khoa Hà nội*) hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc về giải pháp kỹ thuật nung luyện Clinker trắng.

- Tháng 9/1994 sản phẩm Xi măng trắng được thưởng "Huy chương vàng" tại hội chợ triển lãm thành tựu kinh tế kỹ thuật hàng công nghiệp Việt nam.

- Năm 2002 sản phẩm Xi măng trắng Thái Bình được tặng thưởng "Huy chương vàng" tại hội chợ triển lãm hàng công nghiệp Việt nam chất lượng cao tại Giảng võ Hà nội.

- Năm 2003 sản phẩm Xi măng trắng được tặng thưởng quả cầu bạc tại hội chợ triển lãm hàng công nghiệp Việt nam chất lượng cao tại Giảng võ Hà nội.

- Có thể nói rằng chất lượng sản phẩm Xi măng trắng Thái Bình tương đương với Xi măng trắng ngoại cùng loại đang lưu thông trên thị trường Việt nam.

- Nhờ uy tín chất lượng nên sản phẩm Xi măng trắng Thái Bình được tiêu thụ trên thị trường cả nước, ngoài việc khách hàng về Công ty để mua hàng công ty còn mở các đại lý tiêu thụ bán hàng tại các thị trường Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hoá, Nghệ An, Đà Nẵng. Thị phần Xi măng trắng Thái Bình chiếm khoảng 30% thị phần Xi măng trắng nội địa, góp phần làm ổn định thị trường, cung cấp cho người tiêu dùng và ngành xây dựng Việt Nam sản phẩm Xi măng Poóclăng trắng đạt tiêu chuẩn chất lượng ổn định. Một phần thưởng vô giá và là vinh dự lớn cho sản phẩm Xi măng trắng Thái Bình được dùng vào việc làm Tượng Bác Hồ tại tượng đài kỷ niệm Bác ở hồ thủy điện Hoà Bình....

- Nhằm mở rộng thị trường và khẳng định vị trí sản phẩm Xi măng Poóclăng trắng trong ngành sản xuất vật liệu ở Việt nam trong những năm tới. Công ty vẫn tiếp tục đầu tư phát triển, tiếp tục ứng dụng tiến bộ KHKTCN vào khâu nung luyện Clinker Xi măng Poóclăng trắng ở phân xưởng Long Hàu - Đông Lâm - Tiền Hải, thay thế công nghệ bán khô bằng công nghệ khô để tận dụng triệt để lợi thế từ nguồn khí mỏ, giảm suất tiêu hao nhiên liệu /đơn vị sản phẩm, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, Công ty đang triển khai và phấn đấu để đến tháng 6/2004 được cấp chứng chỉ quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001-2000, Công ty đã xây dựng lộ trình khoa học công nghệ đến năm 2005 và chiến lược phát triển KHCN đến năm 2020. Trên cơ sở lộ trình đã vạch ra đến năm 2005 sản phẩm của Công ty phải đa dạng và đạt mức chất lượng của khu vực cả về độ trắng, cường độ, nhãn hiệu bao bì để có thể thâm nhập vào thị trường khu vực và thế giới.

- Để ghi nhận thành tích hăng hái khắc phục mọi khó khăn trong lao động sản xuất, trong quản lý sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả nhà nước đã tặng thưởng cho cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình những phần thưởng cao quý sau đây:

- Năm 1985 được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen đơn vị gương mẫu về mọi mặt.
- Năm 1986 Công ty được Hội đồng nhân dân tặng Huân chương lao động hạng 3.
- Năm 1995 Công ty được Hội đồng nhân dân trao tặng huân chương lao động hạng 2.
- Đồng chí Giám đốc Công ty được Bộ Xây dựng tặng thưởng danh hiệu "Quản lý giỏi của ngành".
- Năm 2000 Công ty được Hội đồng nhân dân tặng thưởng Huân chương lao động hạng 2.

Đó là niềm tự hào, niềm vinh dự lớn lao của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty, là tài sản, là truyền thống vô cùng quý báu trong hành trang của Công ty bước vào thế kỷ 21 thế kỷ của công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước.

Một số chỉ tiêu cơ bản về kết quả SXKD qua các năm:

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Sản phẩm sản xuất (tấn)	25.806	28.881	34.636	37.864	37.563
Sản phẩm tiêu thụ (tấn)	25.840	28.881	34.568	37.773	37.421
Doanh thu thuần (đồng)	44.696.000.000	49.466.000.000	65.745.000.000	75.218.000.000	82.552.375.408
Lợi nhuận trước thuế (đ)	2.544.086.662	3.852.137.313	4.998.965.260	6.742.107.733	6.264.463.024
Nộp ngân sách (đ)	2.691.000.000	3.625.000.000	4.938.000.000	2.783.000.000	4.787.932.212
Tổng số lao động (người)	282	284	258	262	262
Thu nhập b/q người/tháng (đ)	2.252.000	2.285.000	2.403.000	3.267.000	3.564.772

3. Định hướng phát triển

*** Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

Nâng cao sản lượng sản xuất, chất lượng sản phẩm đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, tăng trưởng doanh thu, tối đa hoá lợi nhuận.

Nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, đồng thời đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

Hoàn thành các nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

*** Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Để đạt được mục tiêu Công ty đã xác định chiến lược phát triển toàn diện trên các mặt về năng lực tài chính, năng lực nguồn nhân lực, năng lực về máy móc thiết bị cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ, năng lực về trình độ quản lý, xây dựng các chiến lược tiêu thụ sản phẩm, phân loại xác định thị trường trọng điểm, xây dựng uy tín và thương hiệu doanh nghiệp tăng cường hiệu quả công tác bán hàng.

Thường xuyên tiến hành phân tích các yếu tố bên ngoài tác động ảnh hưởng đến sự phát triển của Công ty như nhân tố về môi trường, kinh tế xã hội, khoa học công nghệ, chính trị, pháp lý, thị trường, tài chính tiền tệ, tình hình hội nhập kinh tế thế giới.

Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình lấy uy tín và chất lượng sản phẩm là trung tâm cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, coi khách hàng là nhân tố quan trọng nhất quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của doanh nghiệp trên cơ sở áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001: 2008.

- Sản xuất và cung cấp những sản phẩm có chất lượng cao.
- Cung ứng cho khách hàng sản phẩm đúng chất lượng, đúng số lượng, đúng chủng loại, đúng nơi, đúng lúc mà khách hàng yêu cầu.
- Có trách nhiệm đáp ứng mọi yêu cầu chính đáng của khách hàng đối với Công ty.
- Tôn trọng và xây dựng quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng cũng như với nhà cung cấp.
- Nguyên vật liệu và phụ kiện chính đều phải được mua từ các nhà cung cấp có uy tín đã và sẽ được chứng nhận ISO 9001: 2008.
- Sự cam kết đối với chất lượng còn được thể hiện bởi kế hoạch đào tạo thường xuyên để nâng cao trình độ và tay nghề của công nhân viên chức.
- Công ty duy trì hệ thống quản lý chất lượng một cách có hiệu quả trên cơ sở có sự tham gia của tất cả mọi người và trên nền tảng áp dụng ISO 9001: 2008.
- Thường xuyên cải tiến hệ thống quản lý chất lượng nhằm nâng cao hiệu lực của việc áp dụng hệ thống này để không ngừng thoả mãn nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm của Công ty.
- Mục tiêu cụ thể:
 - + Giữ vững và ổn định thị trường hiện có, mở rộng thị trường tại địa bàn vùng xa.
 - + Tìm kiếm thị trường xuất khẩu sản phẩm sang một số nước trong khu vực.
 - + Phát triển nguồn nhân lực.
 - + Triển khai dự án đầu tư mở rộng sản xuất nâng công suất nung luyện Clinker Xi măng poóc lăng trắng tại Phân xưởng Xi măng Thành phố, Phường Tiên Phong, TP Thái Bình.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**1/ Những thuận lợi và khó khăn****a/ Thuận lợi:**

- Thị trường Xi măng trắng trong nước ổn định, tình hình cung cầu Xi măng trắng diễn biến theo chiều hướng có lợi cho Công ty.

- Công ty vẫn là đơn vị duy nhất trong toàn quốc sản xuất Xi măng trắng từ nguyên liệu thô tự nhiên đến thành phẩm, đây là cơ hội để Công ty tiếp tục đầu tư, mở rộng sản xuất, phát triển thị trường.

- Năm 2010 Công ty vẫn khai thác hiệu quả năng lực các thiết bị đã đầu tư. Đây là điều kiện tiên quyết giúp Công ty hoàn thành tốt kế hoạch SXKD năm 2010.

- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001:2008 luôn được duy trì và áp dụng hiệu quả. Đây cũng là cơ sở để sản xuất của Công ty luôn ổn định, sản phẩm Xi măng trắng sản xuất ra luôn phù hợp tiêu chuẩn TCVN: 5691-2000, đã tạo niềm tin vững chắc cho người tiêu dùng, đem lại lợi ích cao cho người thụ hưởng sản phẩm. Điều này giúp Công ty thành công trên con đường hội nhập, mở rộng thị phần, chinh phục được hoài bão, ước mơ, chấp cánh thương hiệu Xi măng trắng Thái Bình vươn xa và bay cao hơn nữa.

- Cổ phiếu Công ty niêm yết trên thị trường Chứng khoán được các nhà đầu tư rất quan tâm, điều này tạo đà cho Công ty huy động một cách hiệu quả mọi nguồn vốn, giúp chúng ta phát triển bền vững và hội nhập sâu vào nền kinh tế thị trường khu vực và Thế giới.

- Công ty có đội ngũ Cán bộ kỹ thuật giàu nhiệt huyết, có lực lượng Cán bộ quản lý công tâm và lực lượng lao động nhiệt tình, trách nhiệm, luôn chịu khó học hỏi, tìm tòi, sáng tạo cải tiến trong quá trình lao động sản xuất với phương châm: giảm thiểu chi phí, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả.

- Năm 2010 cũng là năm thời tiết khá thuận hoà đối với công việc phơi sấy, chuẩn bị nguyên liệu khô phục vụ sản xuất ổn định của Công ty.

- HĐQT và Ban Giám đốc Công ty luôn chủ động đưa ra những chủ trương, giải pháp, quyết sách, quyết định kịp thời, đúng đắn để Công ty ổn định và phát triển trước sự suy giảm của nền kinh tế toàn cầu và cơn bão giá về tài chính và sự biến đổi leo thang không ngừng của lãi suất Ngân hàng.

b/ Khó khăn:

- Năm 2010 vẫn với một kịch bản của nền kinh tế khó ai dự báo và cam đoan được tính chính xác của nó, sự trượt dốc của thị trường tài chính, sự biến động chóng mặt của giá cả nguyên nhiên vật liệu đặc biệt là yếu tố đầu vào của sản xuất Xi măng.

- Nguồn nguyên liệu vẫn ở tình trạng bất ổn, chất lượng không ổn định, nhà cung cấp luôn luôn ép giá tăng cao.

- Chính sách tiền lương luôn luôn diễn biến theo chiều hướng gia tăng làm cho chi phí giá thành tăng theo, trong khi đó giá xi măng không thể tăng theo.

- Mặt bằng sản xuất chật hẹp, không có cơ hội để đầu tư mở rộng phát triển sản xuất.

- Cơ sở hạ tầng của Công ty đã xuống cấp và lạc hậu, các thiết bị đã khai thác cạn kiệt khả năng về công suất, chi phí năng lượng lớn, xử lý môi trường phức tạp đây cũng là sức ép để Công ty đưa ra những quyết sách đúng đắn cho việc định hướng phát triển lâu dài.

2. Đánh giá chung về việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2010.

Năm 2010 một năm vận hội lớn song thử thách cũng không nhỏ, Công ty thực sự phải đối mặt với một số vấn đề mới nảy sinh, đối tượng khách hàng thực sự đa dạng, yêu cầu về chất lượng sản phẩm ngày một cao, phương thức thanh toán, cơ chế bán hàng đã thực sự cởi mở. Trong lúc điều kiện thiết bị của Công ty đầu tư còn hạn chế, đại bộ phận đã quá cũ, công nghệ lạc hậu song Công ty đã khắc phục từng bước, thoả mãn được nhu cầu thị trường, giữ vững và ổn định chất lượng sản phẩm, đây là một cố gắng rất đáng ghi nhận của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty. Chính vì lẽ đó mà sản phẩm Xi măng trắng của Công ty được khách hàng quan tâm và tin dùng với số lượng ngày một tăng, thị phần sản phẩm của Công ty đã dần trải trên khắp các vùng miền cả nước, đây là cơ hội để Công ty mở rộng thị trường, phát triển sản xuất.

Nhìn lại một năm qua với thử thách, cơ hội đan xen nhau, với nguồn lực có hạn, song với tinh thần lao động sáng tạo, năng động nhiệt tình của tập thể CBCNV Công ty cùng với sự chỉ đạo sát sao, những quyết sách đúng đắn trước sự biến động khôn lường của nền kinh tế thị trường, sự trượt dốc của nền tài chính toàn cầu, sự leo thang của giá cả, Công ty đã chủ động trong sản xuất kinh doanh, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế xã hội năm 2010 do Đại hội đồng cổ đông đặt ra, để tạo tiền đề cho Công ty thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị trọng tâm năm 2011.

3. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các phòng ban, phân xưởng.**a/ Phân xưởng Thành phố**

Trong năm 2010 đã bám sát kế hoạch tiêu thụ sản phẩm hai loại Xi măng trắng và Xi măng xanh nên tổ chức sản xuất tương đối hợp lý:

- Nung luyện Clinker trắng:	8.690 tấn
- Tiêu hao nhiên liệu bình quân cho 1 kg Clinker	2.181 kcalo
- Nghiền xi măng xanh đạt:	516,295 tấn
- Nghiền Xi măng trắng PCW30.I; PCW40.I:	37.650,6 tấn

Đáp ứng cơ bản được yêu cầu tiêu thụ sản phẩm, đa dạng về độ mịn, CBCNV phân xưởng đã có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tăng năng suất, giảm chi phí điện năng, đặc biệt là tiêu hao nhiên liệu trong quá trình nung luyện Clinker giảm đáng kể, góp phần hiệu quả vào việc giảm giá thành sản phẩm.

Chủ động tạo đủ việc làm cho công nhân, bố trí ca kíp sản xuất hợp lý nhằm đưa giá điện bình quân vào sản xuất là thấp nhất đồng thời đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất theo cơ chế thị trường.

Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa nhà xưởng định kỳ, chế tạo thiết bị phục vụ sản xuất của hai phân xưởng kịp thời, hiệu quả.

Thực hiện tốt khâu vệ sinh công nghiệp trong quá trình sản xuất, sản xuất đến đâu gọn đến đó.

Tham gia tốt các phong trào văn hoá thể thao do các tổ chức đoàn thể và chính quyền phát động.

Phối hợp với phòng Kinh doanh tổ chức tốt dịch vụ chăm sóc khách hàng, tạo niềm tin trong kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cần phải đẩy mạnh hơn nữa phong trào thi đua tiết kiệm, chấp hành ý thức tổ chức kỷ luật và các quy trình quy phạm một cách nghiêm túc, phát huy tính năng động sáng tạo và trí tuệ của tập thể CBCNV lãnh nghề, để việc cải tiến hợp lý hoá sản xuất có chi phí là thấp nhất và đạt kết quả cao nhất.

b/ Phân xưởng Tiền hải:

Nung luyện Clinker trắng: 19.766,126 tấn.

Tiêu hao nhiên liệu bình quân cho 1 kg Clinker: 2.371 kcal.

Năm 2010 mặc dù gặp rất nhiều khó khăn về nguyên, nhiên liệu, chất lượng nguyên vật liệu đầu vào không ổn định, nhà xưởng, kho tàng xuống cấp, hạn chế. Song với tinh thần khắc phục khó khăn nỗ lực vươn lên trong lao động sản xuất, CBCNV phân xưởng đoàn kết bám máy, bám xưởng, chủ động trong công việc. Bám sát với chất lượng yếu tố đầu vào để ra đơn phối liệu hợp lý tạo sản phẩm Clinker với chất lượng tương đối ổn định.

Tham gia tốt các phong trào văn hoá thể thao do các tổ chức đoàn thể và chính quyền phát động.

Tuy nhiên trong năm qua vấn đề tiết kiệm nhiên liệu trong nung luyện Clinker vẫn chưa được khai thác hợp lý, chi phí năng lượng còn cao so với khả năng có thể, cần sớm khắc phục để năm 2011 sản xuất đạt hiệu quả cao hơn nữa.

c/ Phòng kế toán tài chính

- Chuẩn bị tốt nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh, cho việc xây dựng cơ bản nội bộ, thanh quyết toán, giải quyết kịp thời cho các hạng mục công trình - dự án trong năm theo đúng quy chế đầu tư XDCCB mà nhà nước ban hành.

- Hạch toán kế toán quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm kịp thời, tạo điều kiện cho HĐQT, Ban Giám đốc Công ty kịp thời đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh và điều chỉnh quá trình hoạt động cho phù hợp với tiến trình phát triển của doanh nghiệp, góp phần làm cho năm tài chính của Công ty đạt mục tiêu đề ra.

- Chủ động tìm các nguồn vốn hiệu quả phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra thuận lợi.

- Quản lý thu chi chặt chẽ, đúng thủ tục, góp phần làm lành mạnh nền tài chính của Công ty.

- Quản lý tốt kho sản phẩm, vật tư.

- Phối hợp với phòng Kinh doanh nắm chắc tình hình tiêu thụ, thu hồi công nợ, phân loại khách hàng.

- Cùng với phòng Kế hoạch, phòng TCHC-LĐTL chuẩn bị tốt thủ tục hồ sơ cho việc tăng vốn điều lệ, báo cáo kịp thời và minh bạch tình hình hoạt động SXKD theo quy định của Luật Chứng khoán trên các phương tiện thông tin đại chúng để các nhà đầu tư có đầy đủ thông tin cần thiết, lựa chọn hình thức đầu tư thích hợp. Đây cũng là cơ hội để chúng ta huy động mọi nguồn lực một cách tốt nhất giúp Công ty phát triển bền vững trong thời kỳ hội nhập.

- Theo dõi chặt chẽ các hợp đồng kinh tế, tham mưu giúp Giám đốc quản lý chặt chẽ giá cả đầu vào và định giá đầu ra của sản phẩm để nền tài chính của Công ty luôn an toàn và hạch toán có lãi, để cổ tức thực sự năm sau cao hơn năm trước.

d/ Phòng Khoa học công nghệ

- Công tác chất lượng sản phẩm là yếu tố quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của Công ty, năm 2010 là năm thứ sáu Công ty áp dụng hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO

9001: 2000, nay là ISO 9001:2008. Là một bộ phận trong hệ thống, phòng KHCN đã duy trì và thực hiện đầy đủ các quy trình đã đề ra và thực hiện nề nếp để sản phẩm sản xuất ra là sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn TCVN: 5691 - 2000.

- Cả hai loại Xi măng trắng và Xi măng xanh đều được phòng kiểm soát chặt chẽ đầu vào, đầu ra, phân tích báo cáo kịp thời.

- Phối hợp chặt chẽ với phòng Kế hoạch, phòng Kinh doanh và các phân xưởng trong quá trình cung ứng nguyên, nhiên liệu đầu vào, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Chủ động xử lý những sự cố trong quá trình sản xuất, lắng nghe ý kiến từ phía khách hàng và thông tin phản hồi kịp thời để khách hàng yên tâm sử dụng sản phẩm.

- Tuy nhiên việc điều hành công việc còn có những lúc, những nơi chưa phù hợp.

- Hoạt động của phòng KHCN phải thực sự khoa học, đi sâu đi sát sản xuất, phát hiện kịp thời các vấn đề bất cập phát sinh và sai sót trong quy trình công nghệ, tham mưu cho Giám đốc những vấn đề mới, tích cực trong quy trình tạo sản phẩm để sản phẩm của Công ty luôn ổn định về chất lượng.

- Phòng KHCN cần chủ động đề xuất và nghiên cứu sản phẩm mới, tham mưu cho HĐQT kế hoạch đa dạng hoá sản phẩm, phối kết hợp với phòng thị trường giới thiệu, đưa sản phẩm mới tham gia cùng sản phẩm truyền thống.

e/ Phòng Kế hoạch cung ứng vật tư

- Chủ động tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc xây dựng chiến lược phát triển Doanh nghiệp, lập kế hoạch tác nghiệp chi tiết cho từng giai đoạn trong quá trình hoạt động SXKD.

- Chủ động phối hợp với phòng Tài vụ, phòng TCHCLĐTL, các cơ quan liên quan để hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ, đăng ký lại GCNĐKKD

- Cung ứng đầy đủ, kịp thời nguyên, nhiên vật liệu cần thiết phục vụ sản xuất của hai phân xưởng theo đúng quy trình mua hàng đã được quy định trong hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001: 2008.

- Dự trữ cơ sở vật tư, phụ tùng thiết bị vừa đủ, không để quá trình sản xuất bị gián đoạn, không để tồn kho quá mức, tạo điều kiện để vòng quay đồng vốn có hiệu quả.

- Phối kết hợp chặt chẽ với phòng Tài chính kế toán tham mưu giúp Giám đốc ký kết, thực hiện các HĐKT, lập dự toán, quyết toán đầy đủ các hạng mục công trình sửa chữa và XD/CB nội bộ theo đúng quy định của nhà nước, đáp ứng kịp thời quá trình SXKD của Công ty, góp phần làm cho sản xuất ổn định, lập và triển khai các dự án đầu tư đúng quy trình theo tinh thần Nghị quyết Đại hội cổ đông đã được HĐQT phê duyệt để sản xuất không ngừng mở rộng và phát triển.

- Quan hệ chặt chẽ với phòng KHCN để tìm nguồn vật tư đầu vào ổn định, đảm bảo chất lượng đáp ứng được yêu cầu công nghệ, tạo ra sản phẩm thoả mãn nhu cầu thị trường.

- Thường xuyên phối hợp với hai phân xưởng để điều tiết kế hoạch sản xuất theo thị trường.

g/ Phòng kinh doanh:

- Năm 2010 là năm rất đáng ghi nhận, công tác tiếp thị, mở rộng thị trường đã có những đột phá bước đầu đem lại hiệu quả rõ nét. Bên cạnh việc chăm lo bảo toàn khách hàng truyền thống phòng đã chủ động tìm kiếm khách hàng mới trên khắp các vùng miền cả nước qua thông tin đại chúng, qua mạng, qua báo chí, tập san và từng bước tiếp cận trực tiếp khách hàng để hiểu rõ nhu cầu khách hàng, khả năng tài chính, khả năng thanh toán cũng như việc định hướng khách

hàng, giới thiệu sản phẩm, hình ảnh của Công ty tạo niềm tin cho các đối tác, chính vì vậy mà kế hoạch tiêu thụ năm qua đã tăng lên đáng kể.

- Phòng đã cơ bản đổi mới phong cách bán hàng, mọi giao dịch trong quá trình tiêu thụ sản phẩm đều thông qua các hợp đồng kinh tế. Các đơn hàng đã được kiểm soát chặt chẽ. Việc theo dõi công nợ phát sinh và công nợ quá hạn đã được quan tâm đúng mức, giúp chúng ta phân loại được khách hàng, chủ động phân phối, cung cấp sản phẩm một cách hợp lý " Vừa lòng khách đến, vui lòng khách đi".

Tuy nhiên kinh doanh phải đi trước một bước và hết sức quan trọng, từ việc tạo lập thị trường mới đến việc chăm sóc khách hàng truyền thống là 2 nhiệm vụ thường xuyên và luôn song hành trên con đường phát triển thị trường, mở rộng thị phần. Phòng Kinh doanh phải hết sức cố gắng, quản trị kinh doanh tốt hơn nữa, chuyên nghiệp hoá trong khâu bán hàng, quản lý, theo dõi chặt chẽ công nợ, tránh nợ xấu và nợ khó đòi để bảo toàn vốn. Chỉ có tiêu thụ được nhiều sản phẩm chúng ta mới có cơ hội mở rộng phát triển sản xuất. Có như vậy chúng ta mới giải quyết được một loạt vấn đề công ăn việc làm, tiền lương, chế độ cho người lao động đặc biệt là tạo đà cho doanh nghiệp phát triển ổn định và bền vững.

h/ Phòng HCTC-LĐTL

- Thực hiện tốt việc cân đối điều chuyển lao động hợp lý giữa các phân xưởng, tạo niềm tin cho mọi thành viên trong Công ty.

- Theo dõi và thực hiện tốt mọi chế độ chính sách cho người lao động.

- Thanh toán tiền lương - thưởng kịp thời theo quy định.

- Công tác hành chính quản trị nề nếp, tổ chức chu đáo bữa ăn giữa ca và bữa ăn hàng ngày ở hai phân xưởng đảm bảo vệ sinh an toàn, sức khỏe cho người lao động.

- Hoàn thiện việc xây dựng đơn giá định mức tiền lương, góp phần bình ổn mặt bằng thu nhập của người lao động, phù hợp với từng vị trí, công việc, công đoạn trong quá trình SXKD.

- Chủ động lập phương án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế cận, đủ sức đảm đương nhiệm vụ SXKD trong cơ chế thị trường, đồng thời bám sát sản xuất để phát hiện những yếu tố bất hợp lý trong vấn đề lao động tiền lương, bố trí nhân lực từng bộ phận, giám sát việc thực hiện các quy trình công nghệ, sàng lọc những trường hợp yếu kém về trình độ, thiếu trách nhiệm để giáo dục rèn luyện đồng thời duy trì chế độ thi nâng bậc đảm bảo theo quy định, tạo hưng phấn cho CBCNV phấn đấu.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011.

a. Những chỉ tiêu chủ yếu năm 2011

STT	Chỉ tiêu	DVT	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	VNĐ	95.000.000.000
2	Sản phẩm		
	- Xi măng trắng sản xuất	Tấn	45.000
	- Xi măng trắng tiêu thụ	Tấn	45.000
3	Nung luyện Clinker	Tấn	31.000÷32.000
4	Đầu tư xây dựng cơ bản	VNĐ	21.000.000.000
5	Nộp ngân sách	VNĐ	4.800.000.000
6	Nộp BHXH-BHYT	VNĐ	2.400.000.000
7	Tổng quỹ lương	VNĐ	17.800.000.000
8	Thu nhập BQ: <i>trđ/người/tháng</i>	VNĐ	3.800.000
9	Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	6.200.000.000

b. Kế hoạch Đầu tư Xây dựng cơ bản:

* Đầu tư hệ lò quay BT4 tổng vốn: 19.000.000.000 đ

Bao gồm các hạng mục:

- Hệ thống lò quay nung luyện Clinker đồng bộ công suất 18 tấn/ka.
- Nhà kho và nhà cơ khí.
- Kho thành phẩm.
- Nhà nghiền và thiết bị nghiền than.

* Sửa chữa XDCB: 2.000.000.000 đ

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**Các thành viên của Ban Giám đốc:**

Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm Ban Giám đốc gồm:

1. Ông Tống Hải Đường – Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm chung các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Ông Nguyễn Như Phát – Phó Giám đốc phụ trách công tác tiêu thụ sản phẩm.

3. Ông Phạm Văn Tân – Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật sản xuất.

Để điều hành tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên cơ sở nghị quyết của Đại hội cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã hợp phân công rõ trách nhiệm theo dõi và điều hành từng lĩnh vực cho các thành viên trong Ban Giám đốc.

Chủ tịch HĐQT - Giám đốc

- Chủ tịch HĐQT- Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị Công ty tuyển chọn, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, cơ quan chủ quản và trước pháp luật về mọi hoạt động của Công ty.

- Quyết định chiến lược kinh doanh, quy mô và phạm vi thị trường, kế hoạch đầu tư và phát triển, chính sách và mục tiêu chất lượng của Công ty.

- Quyết định cơ cấu tổ chức, sắp xếp và bố trí nhân sự.

- Chỉ đạo điều hành hoạt động tài chính của Công ty.

- Phê duyệt nội dung các quy trình, quá trình của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008 được áp dụng tại Công ty.

- Tổ chức thực hiện bộ máy quản lý chất lượng trong Công ty. Thực hiện các cam kết về chất lượng đối với khách hàng.

- Chủ trì các cuộc họp xem xét của lãnh đạo về hệ thống quản lý chất lượng của Công ty.

- Lựa chọn các nhà cung cấp và các nhà thầu để mua vật tư và thiết bị.

Phó Giám đốc kỹ thuật sản xuất

- Là người điều hành về kế hoạch sản xuất, kỹ thuật của Công ty.

- Xây dựng kế hoạch sản xuất dài hạn, trung hạn và hàng năm của Công ty trong tất cả các chương mục của hệ thống kế hoạch của Công ty.

- Là người thay mặt Giám đốc điều hành công tác chất lượng toàn Công ty và chịu trách nhiệm về chất lượng cho Công ty đối với hệ thống khách hàng.

Phó Giám đốc phụ trách Kinh doanh

- Xây dựng chiến lược và chính sách tiêu thụ sản phẩm.

- Lập kế hoạch tiêu thụ hàng hoá hàng năm đối với từng loại sản phẩm.

- Xây dựng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm ở những thị trường thích hợp trong cả nước.

1. Báo cáo tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2009
I	Tổng tài sản	36.843.669.097	37.684.240.458
1	Tài sản lưu động	20.472.615.159	20.879.418.515
2	Tài sản cố định	16.371.053.938	16.804.821.943
II	Nợ phải trả	16.353.057.502	19.832.629.129
1	Nợ ngắn hạn	15.578.605.502	18.552.493.472
2	Nợ dài hạn	774.452.000	1.280.135.657
III	Nguồn vốn chủ sở hữu	20.490.611.595	17.851.611.329
1	Vốn điều lệ	15.102.800.000	10.114.000.000
2	Vốn thặng dư cổ phần	-	440.000.000
4	Lợi nhuận sau thuế	2.745.954.993	3.290.323.120
5	Quỹ đầu tư phát triển	1.618.295.348	1.365.295.348
6	Quỹ dự phòng tài chính	679.500.000	426.500.000
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.920.062.441	1.094.855.321
8	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	344.061.254	2.215.492.861
IV	Một số chỉ tiêu tài chính		
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu (%)	5,59	7,47
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản (%)	12,94	14,90
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu (%)	23,27	29,64
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ (%)	0,31	0,33

Tổng số cổ phần: 1.510.280 CP

- Cổ phiếu thường: 1.510.280 CP

- Cổ phiếu đang lưu hành: 1.510.280 CP

- Cổ tức năm 2010: 25%

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010	Tăng (+) Giảm (-)
Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	2,01	2,25	+ 0,24
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,10	0,33	+ 0,23
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,20	1,31	+ 0,11

Đánh giá về một số chỉ tiêu đạt được trong năm 2010

+ Về sản xuất:

Sản xuất Xi măng đạt: 37.563 tấn /37.864 tấn giảm 0,8 % so với năm 2009

+ Về tiêu thụ:

Tổng Xi măng trắng đạt: 37.421 tấn/ 37.773 tấn giảm 0,8 % so với năm 2009.

Tiêu thụ Clinker trắng đạt: 3.324,64 tấn.

+ Về lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế đạt: 6.264.463.024 đ/ 6.742.107.733 đ giảm 7,08 % so với năm 2009.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện	So với năm 2009
1	Tổng doanh thu	VNĐ	82.552.375.408	109,7%
2	Sản phẩm			
	Nghiên Xi măng đen	Tấn	494,15	174%
	Tiêu thụ Xi măng đen	Tấn	506,74	224%
	Nghiên Xi măng trắng	Tấn	37.563,3	99,44%
	Tiêu thụ Xi măng trắng	Tấn	37.421,1	99,06%
	Tiêu thụ Clinker XMT	Tấn	3.324,64	
3	Nung luyện Clinker	Tấn	28.477,69	102%
4	Đầu tư xây dựng cơ bản	VNĐ	2.616.851.877	90,3%
5	Nộp ngân sách	VNĐ	4.787.932.212	172%
6	Nộp BHXH-BHYT-BHTN	VNĐ	2.229.201.404	127%
7	Tổng quỹ lương	VNĐ	13.196.273.925	118,7%
8	Thu nhập BQ: <i>trđ/người/tháng</i>	VNĐ	3.564.772	133%
9	Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	6.264.463.024	

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được :

- Sắp xếp, hoàn thiện bộ máy quản lý phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.
- Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính.
- Hoàn thiện định mức tiền lương cho phù hợp trong
- Sản lượng sản xuất, tiêu thụ và các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đạt kế hoạch đề ra.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Công ty định hướng xây dựng chiến lược phát triển trong tương lai từ nay đến năm 2015.

Xác định đây là một chiến lược phát triển toàn diện, đồng bộ trên tất cả các nguồn lực của Công ty. Để phát huy tối đa các nguồn lực Công ty đưa ra một số giải pháp sau:

- Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp nhằm quản lý một cách toàn diện và đồng bộ sản xuất kinh doanh và đầu tư.
- Không ngừng cải tiến công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại và dây chuyền sản xuất nhằm tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng chiến lược phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, củng cố địa bàn đã có, mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước khu vực.
- Cơ cấu lại nguồn vốn phục vụ cho sản xuất và đầu tư, sử dụng các nguồn tiền đạt hiệu quả cao nhất.
- Xây dựng chiến lược phát triển nhân tố lao động qua các chương trình tuyển dụng mới và đào tạo tại chỗ.
- Xây dựng các chính sách tiền lương, tiền thưởng, điều kiện môi trường lao động cho người lao động.
- Mở rộng sản xuất nâng công suất nung luyện Clinker tại Phân xưởng Thành phố.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về chế độ kế toán.

1. Bảng cân đối kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		20.472.615.159	20.879.418.515
	(100=110+120+130+140+150)				
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.079.109.655	1.756.034.642
1	Tiền	111	V.1.	5.079.109.655	1.756.034.642
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.748.672.343	5.298.221.129
1	Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	3.677.373.623	4.867.169.859
2	Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	186.030.000	460.328.819
5	Các khoản phải thu khác	135	V.2.	37.400.000	82.507.635
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(152.131.280)	(111.785.184)
IV	Hàng tồn kho	140		11.644.833.161	13.723.062.744
1	Hàng tồn kho	141	V.3.	11.644.833.161	13.723.062.744
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	102.100.000
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	-	102.100.000
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.371.053.938	16.804.821.943
	(200=210+220+240+250+260)				
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		16.371.053.938	16.804.821.943
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.4.	16.354.638.938	16.784.386.943
-	Nguyên giá	222		42.857.648.141	40.636.595.691
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.503.009.203)	(23.852.208.748)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.5.	16.415.000	20.435.000
-	Nguyên giá	228		33.500.000	33.500.000
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(17.085.000)	(13.065.000)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III	Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V	Tài sản dài hạn khác	260		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		36.843.669.097	37.684.240.458
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		16.353.057.502	19.832.629.129
I	Nợ ngắn hạn	310		15.578.605.502	18.552.493.472
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.6.	7.606.905.229	13.422.324.753
2	Phải trả người bán	312	VIII.2.4	1.713.880.302	779.806.117

3	Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.5	221.688.732	927.925
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.7.	962.662.505	1.241.477.705
5	Phải trả người lao động	315		1.969.284.791	1.742.538.200
6	Chi phí phải trả	316	V.8.	121.816.734	16.915.709
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.9.	1.062.304.768	253.647.742
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.920.062.441	1.094.855.321
II	Nợ dài hạn	330		774.452.000	1.280.135.657
1	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.10.	700.000.000	1.280.135.657
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		74.452.000	-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		20.490.611.595	17.851.611.329
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.11.	20.490.611.595	17.851.611.329
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.102.800.000	10.114.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	440.000.000
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		344.061.254	2.215.492.861
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		1.618.295.348	1.365.295.348
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		679.500.000	426.500.000
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.745.954.993	3.290.323.120
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		36.843.669.097	37.684.240.458

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Năm 2010**

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.12.	85.230.301.408	75.218.556.303
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.13.	85.230.301.408	75.218.556.303
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.14.	73.039.180.857	62.448.083.064
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12.191.120.551	12.770.473.239
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.15.	39.073.335	44.340.517
7	Chi phí tài chính	22	VI.16.	1.757.657.495	1.694.061.840
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.757.657.495</i>	-

8	Chi phí bán hàng	24	VIII.2.6	899.918.093	1.042.863.934
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.7	3.415.590.262	3.646.944.646
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		6.157.028.036	6.430.943.336
11	Thu nhập khác	31	VIII.2.8	117.698.364	337.721.608
12	Chi phí khác	32	VIII.2.9	10.263.376	26.557.211
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		107.434.988	311.164.397
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.264.463.024	6.742.107.733
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.17.	1.495.708.031	1.125.564.613
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4.768.754.993	5.616.543.120
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.715	5.553

V. BẢNG GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán:

Hiện tại Công ty đang thuê đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty kiểm toán và định giá Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của năm 2010. Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam là một trong những công ty kiểm toán có uy tín tại Việt Nam.

- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình cho năm tài chính 2010:

Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và

Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

2. Kiểm toán nội bộ

Hiện tại Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình chưa thành lập kiểm toán nội bộ, đang xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không có

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Giới thiệu về Công ty:

Tên Công ty	Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình
Tên giao dịch quốc tế	Thai Binh Cement Joint Stock Company
Tên viết tắt	TBC
Trụ sở chính	Số 1, đường Quách Đình Bảo, cụm Công nghiệp Phong Phú, phường Tiên Phong, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình
Điện thoại	(036) 3647 505

Fax (036) 3647 505

Email info@ximangthaibinh.vn

Website www.wimangthaibinh.vn

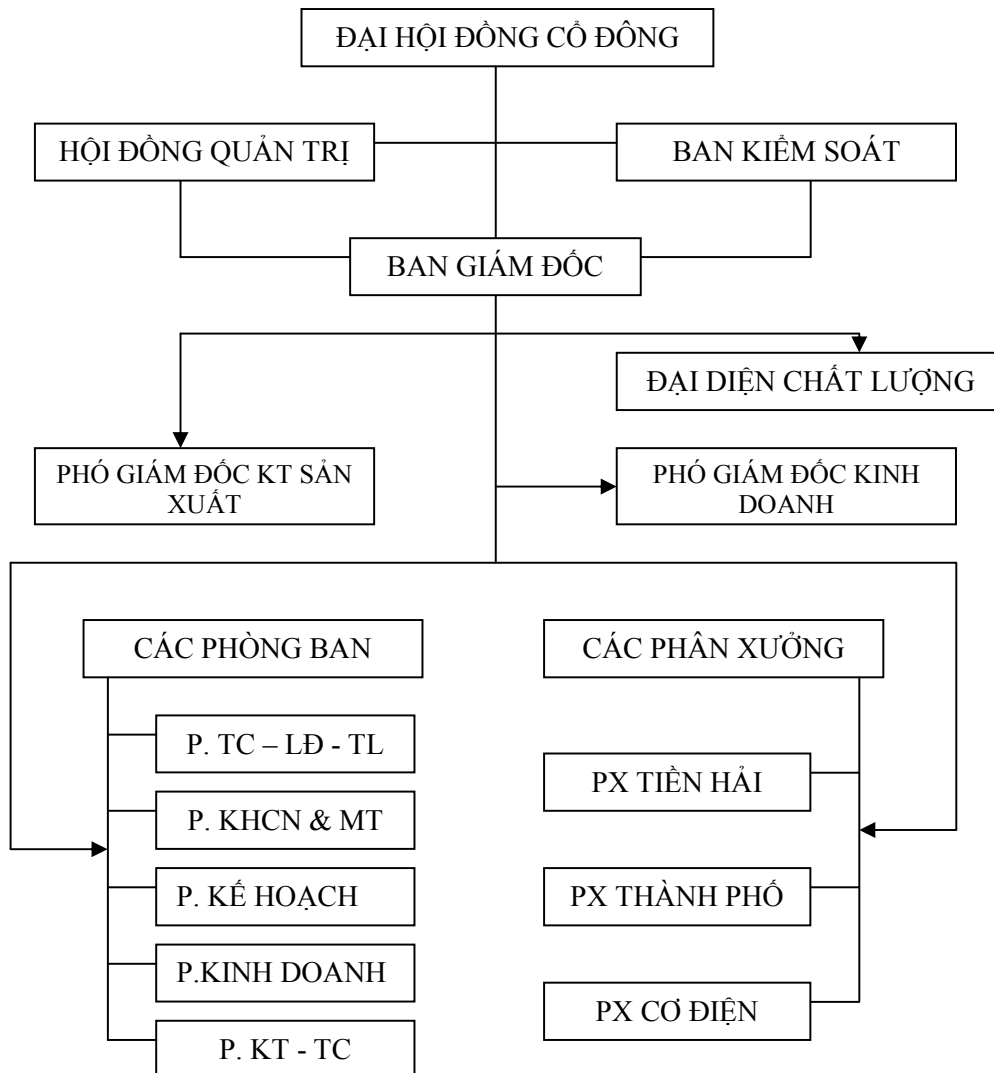
Giấy CNĐKKD Giấy chứng nhận ĐKKD số 1000283494 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái bình cấp lần 4 ngày 27 tháng 12 năm 2010.

Biểu tượng Công ty



Ngành nghề kinh doanh - Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm Xi măng và vật liệu xây dựng
- Xuất nhập khẩu Clinker Xi măng poóc lăng trắng.

2. Cơ cấu tổ chức của công ty Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty như sau:



3. Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty quyết định những vấn đề được pháp luật và điều lệ Công ty quy định.

Đại hội đồng cổ đông thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo Hội đồng quản trị, Báo cáo ban kiểm soát, phương án phân phối lợi nhuận hàng năm của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

4. Hội đồng quản trị: Là cơ quan pháp lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Ban Giám đốc và những người quản lý khác của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình gồm 5 thành viên, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và điều lệ Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5. Ban kiểm soát: Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, trong việc ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty, Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.

Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

6. Ban Giám đốc: Ban Giám đốc Công ty gồm 03 thành viên (1 Giám đốc và 2 Phó Giám đốc)

- 01 Phó Giám đốc phụ trách Kinh doanh

- 01 Phó Giám đốc phụ trách sản xuất.

Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.

Các Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công.

7. Các phòng ban chức năng:

- Phòng Kế toán tài chính
- Phòng Hành chính tổ chức – LĐTTL
- Phòng Kế hoạch
- Phòng Khoa học công nghệ
- Phòng Kinh doanh

Các phòng ban chức năng thực hiện các nhiệm vụ về quản lý công tác nhân sự, lao động tiền lương, định mức tiêu hao vật tư cho sản xuất, nguồn cung cấp vật tư, quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn, an toàn lao động... và các nhiệm vụ khác phục vụ cho quá trình sản xuất và đầu tư.

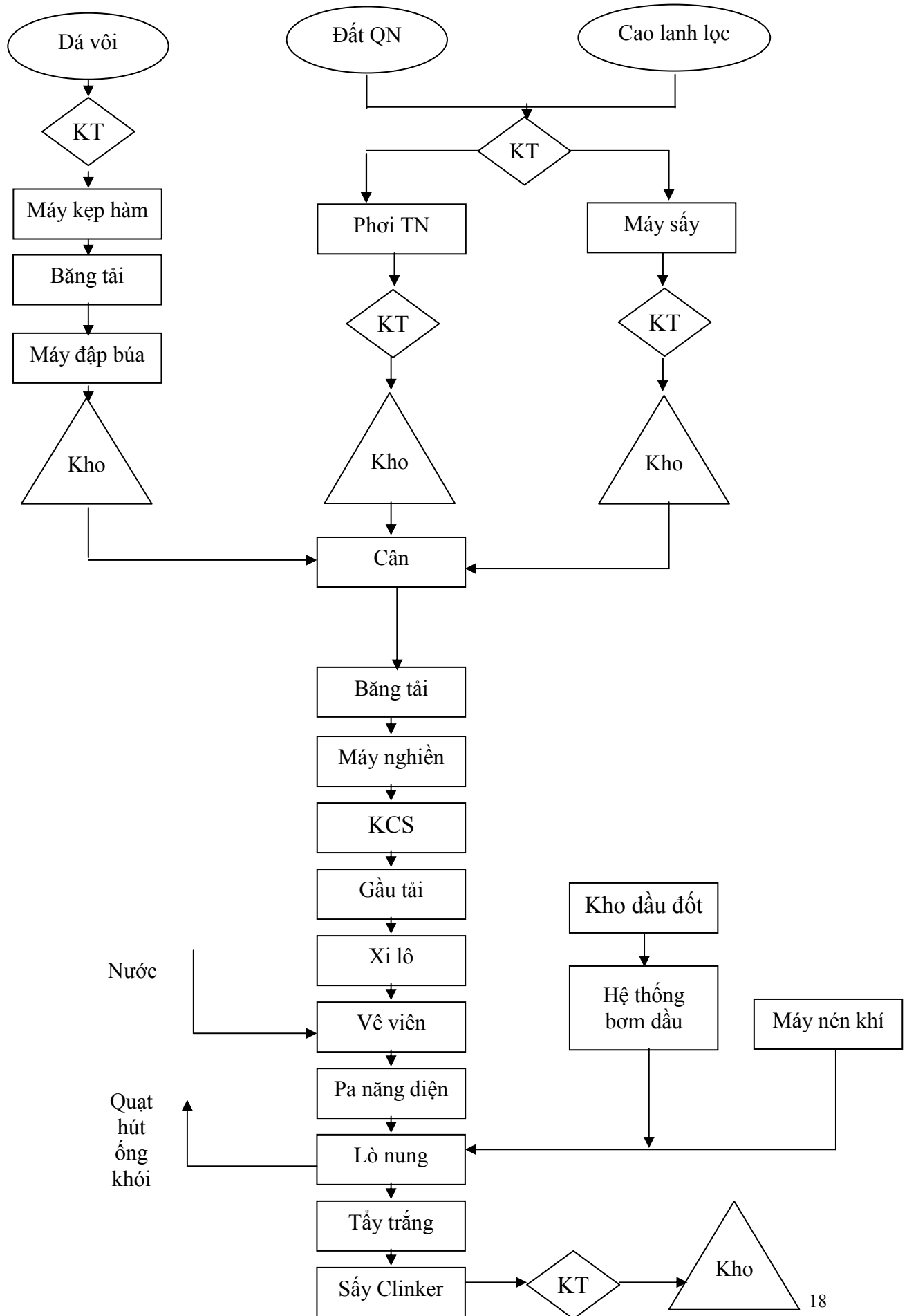
8. Các phân xưởng:

- Phân xưởng Xi măng Thành phố.
- Phân xưởng Xi măng Tiền Hải

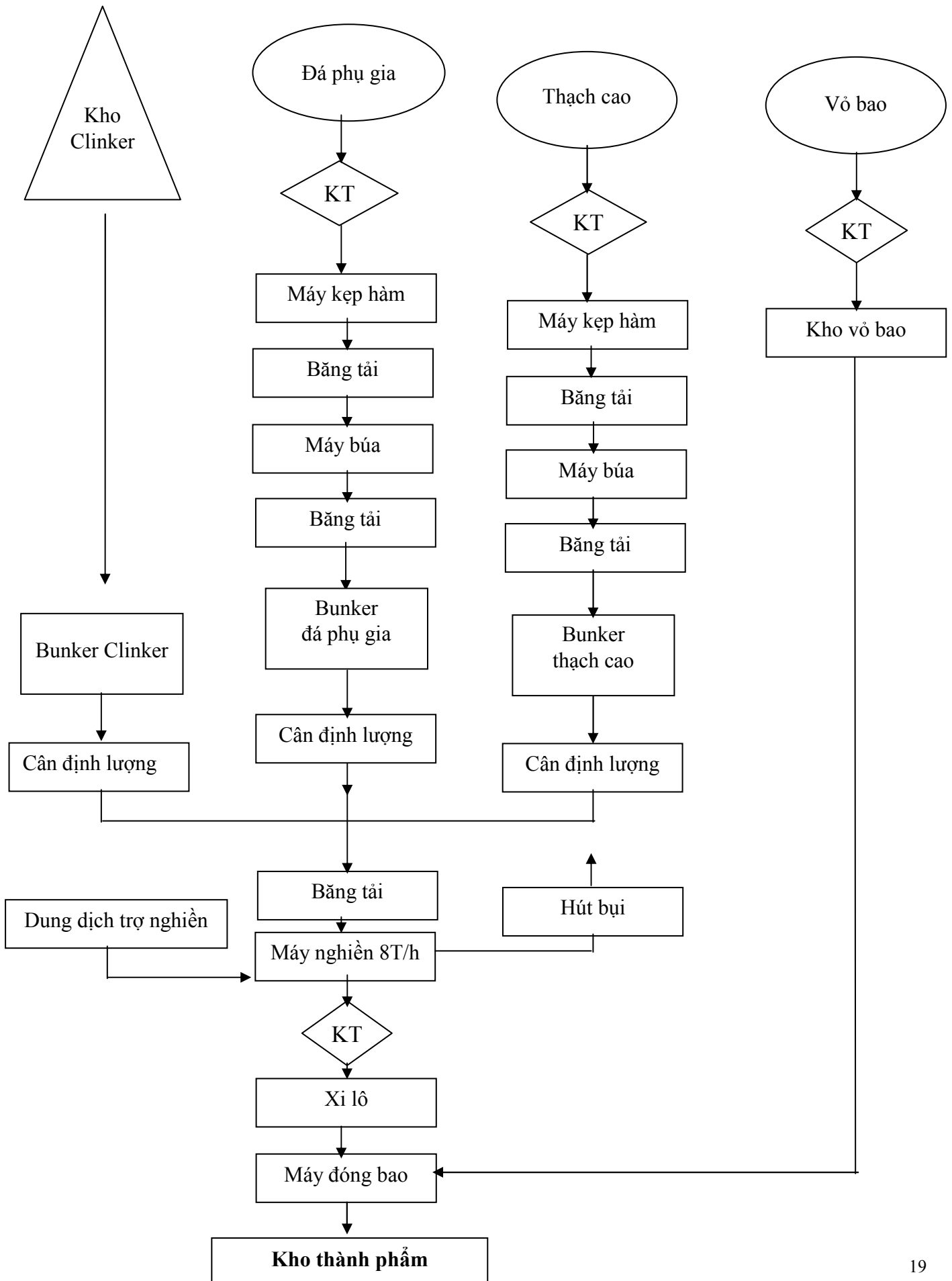
Các phân xưởng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ sản xuất sản phẩm theo các công đoạn chính:

- Phoi, đập, vận chuyển và chứa nguyên liệu
- Công đoạn nghiền liệu
- Công đoạn nung luyện Clinker
- Công đoạn nghiền than
- Công đoạn nghiền Xi măng
- Công đoạn đóng bao

9. Sơ đồ 1: Sơ đồ công nghệ sản xuất Clinker theo phương pháp bán khô



10. Sơ đồ 2: Quy trình nghiền Clinker thành Xi măng trắng



11. Tóm tắt lý lịch cá nhân trong Ban điều hành Công ty năm 2010:**A. Thành viên Hội đồng quản trị:****- Ông Tổng Hải Đường**

1. Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành
2. Giới tính: Nam
3. Năm sinh: 12/8/1960
4. Nơi sinh: Đông Phong - Đông Hưng - Thái Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Dân tộc: Kinh
7. Quê quán: Đông Phong - Đông Hưng - Thái Bình
8. Chứng minh nhân dân: 151478825
9. Địa chỉ thường trú: Tổ 19 - Phường Bồ Xuyên - Thành phố Thái Bình
10. Trình độ văn hoá: 10/10
11. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vật liệu xây dựng
12. Trình độ chính trị: Cao cấp
13. Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1982-1987	Tổng Công ty XD Thủy điện Sông Đà	Trưởng ka sản xuất
1988-2002	Công ty Xi măng Thái Bình	Quản đốc Phân xưởng
2002-2003	Công ty Xi măng Thái Bình	Giám đốc Công ty
2003-2010	Công ty Xi măng Thái Bình	Chủ tịch HĐQT – Giám đốc Công ty
2010 - nay	Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình	Chủ tịch HĐQT – Giám đốc Công ty

- Ông Nguyễn Quang Thái

1. Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT
2. Giới tính: Nam
3. Năm sinh: 20/7/1979
4. Nơi sinh: Mỏ chè - Phổ Yên - Bắc Thái
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Dân tộc: Kinh
7. Quê quán: Mỏ Chè - Phổ Yên - Bắc Thái
8. Chứng minh nhân dân: 012028651
9. Địa chỉ thường trú: E3-5, Khu B, TT ĐH mỏ địa chất, Cổ Nhuế - Từ Liêm - HN
10. Trình độ văn hoá: 12/12
11. Trình độ chuyên môn: Kiến trúc sư
12. Trình độ chính trị:
13. Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
------------------	---------------------	----------------

2002-2004	Khu du lịch Vinpearl, đảo Hòn tre, Nha trang, Khánh hoà	Quản lý giám sát thi công
2005-2007	Khu mua sắm và giải trí Vincom Hà nội	Quản lý thi công, đại diện chủ đầu tư
2007-2009	Công ty đầu tư và thương mại Elife	Giám đốc
2009-2010	Công ty Chứng khoán Sài gòn - Hà Nội	Chuyên viên đầu tư và môi giới CK
2010 - nay	Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình	Phó chủ tịch HĐQT

- Ông Phạm Văn Tân

1. Chức vụ: Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật sản xuất
2. Giới tính: Nam
3. Năm sinh: 28/02/1961
4. Nơi sinh: Tây Phong - Tiền Hải - Thái Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Dân tộc: Kinh
7. Quê quán: Tây Phong - Tiền Hải - Thái Bình
8. Chứng minh nhân dân: 151264921
9. Địa chỉ thường trú: Khu 3 - Thị trấn Tiền Hải - Thái Bình
10. Trình độ văn hoá: 10/10
11. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Silicát
12. Trình độ chính trị: Sơ cấp
13. Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1981-1984	Bộ đội	
1985-2001	Công ty Xi măng Thái Bình	Trưởng ka
2002-2007	Công ty CPXi măng Thái Bình	Quản đốc phân xưởng
2008- nay	Công ty CP Xi măng Thái Bình	Thành viên HĐQT –Phó Giám đốc

- Ông Phạm Quang Liêm

1. Chức vụ: Thành viên HĐQT
2. Giới tính: Nam
3. Năm sinh: 07/7/1968
4. Nơi sinh: Đông Cơ - Tiền Hải - Thái Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Dân tộc: Kinh
7. Quê quán: Đông Cơ - Tiền Hải - Thái Bình
8. Chứng minh nhân dân: 150824149
9. Địa chỉ thường trú: Khu 5 - Thị trấn Tiền Hải - Thái Bình
10. Trình độ văn hoá: 10/10
11. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
12. Trình độ chính trị: Trung cấp

13 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
10/1990-10/2001	Công ty Xi măng Thái Bình	Phó quản đốc phân xưởng
2001-2010	Công ty CP Xi măng Thái Bình	Thành viên HĐQT - Quản đốc PX

*** Bà Vũ Thị Cấp**

1. Chức vụ: Thành viên HĐQT
2. Giới tính: Nữ
3. Năm sinh: 10/8/1957
4. Nơi sinh: Đông Xuân - Đông Hưng - Thái Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Dân tộc: Kinh
7. Quê quán: Đông Xuân - Đông Hưng - Thái Bình
8. Chứng minh nhân dân: 151478120
9. Địa chỉ thường trú: Phường Bồ Xuyên - Thành phố Thái Bình
10. Trình độ văn hoá: 10/10
11. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế tài chính
12. Trình độ chính trị: Trung cấp
13. Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1978 - 1982	Xí nghiệp gạch ngói Thái Thụy	Cán bộ kế toán
1982 - 1989	Công ty Xi măng Thái Bình	Phó phòng Kế toán
1989 - 2009	Công ty Xi măng Thái Bình	Phó phòng Kế toán
2010 - nay	Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng

B. Thành viên Ban kiểm soát

*** Bà Đinh Thị Hà**

1. Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
2. Giới tính: Nữ
3. Năm sinh: 30/10/1957
4. Nơi sinh: Vũ Thắng - Kiến Xương - Tiền Hải
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Dân tộc: Kinh
7. Quê quán: Vũ Thắng - Kiến Xương - Thái Bình
8. Chứng minh nhân dân: 150779208
9. Địa chỉ thường trú: Phường Tiền Phong - Thành phố Thái Bình
10. Trình độ văn hoá: 10/10
11. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế tài chính
12. Trình độ chính trị: Sơ cấp

13 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
6/1979-2001	Công ty Xi măng Thái Bình	Kế toán
10/2001-2009	Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình	Thành viên Ban kiểm soát
2010 - nay	Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình	Trưởng ban kiểm soát

*** Bà Phạm Thị Hằng**

1. Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
2. Giới tính: Nữ
3. Năm sinh: 9/1966
4. Nơi sinh: Quốc Tuấn - Kiến Xương - Thái Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Dân tộc: Kinh
7. Quê quán: Quốc Tuấn - Kiến Xương - Thái Bình
8. Chứng minh nhân dân: 331079841
9. Địa chỉ thường trú: Khu 5 - Thị trấn Tiền Hải - Thái Bình
10. Trình độ văn hoá: 10/10
11. Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán tài chính
12. Trình độ chính trị: Sơ cấp
13. Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
3/1991-10/2001	Công ty Xi măng Thái Bình	Kế toán Phân xưởng
10/2001-2010	Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình	Thành viên Ban kiểm soát

- Ông Nguyễn Minh Đức

1. Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
2. Giới tính: Nam
3. Năm sinh: 23/08/1979
4. Nơi sinh: An bài - Quỳnh phụ - Thái Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Dân tộc: Kinh
7. Quê quán: An bài - Quỳnh phụ - Thái Bình
8. Chứng minh nhân dân: 151290996
9. Địa chỉ thường trú: SN 45, Ngõ 2, đường Lý Bôn, tổ 1, Phường Tiền phong, TP Thái Bình.
10. Trình độ văn hoá: 12/12
11. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
12. Trình độ chính trị:
13. Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
2004 - 3/2010	Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình	Trưởng phòng Kinh doanh
3/2010 - nay	Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình	Thành viên Ban kiểm soát

C. Quyền lợi của Ban Giám đốc:

Tiền lương, tiền thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc theo quy chế của Công ty.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Thông tin cổ đông:

Vốn điều lệ: 15.102.800.000 đồng tương đương 1.510.280 cổ phần.

** Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 10/3/2011*

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Văn Quân	Số 202, Ngõ 22, Tôn Thất Tùng, Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	90.600	5,999
2	Đình Thu Trang	11, Ngõ 138, Tân Ấp, Phúc xá, Ba Đình, Hà Nội	80.676	5,342

** Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị:*

STT	Họ và tên	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Hải Đường	32.160	2,129
2	Vũ Thị Cấp	14.434	0,956
3	Nguyễn Quang Thái	0	0
4	Phạm Văn Tân	10.446	0,692
5	Phạm Quang Liêm	14.940	0,989

2. Quản trị Công ty:

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình được Đại hội đồng cổ đông kỳ họp năm 2010 bầu ra.

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên.

3. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị cụ thể như sau:

** Ông Tổng Hải Đường: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành*

Phụ trách chung về mọi lĩnh vực thuộc quyền hạn, nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT quy định tại điều 25 và điều 26 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.

Triệu tập, chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị, ký các văn bản, nghị quyết, quyết định đối nội, đối ngoại thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty.

** Ông Nguyễn Quang Thái: Phó Chủ tịch HĐQT*

** Bà Vũ Thị Cấp: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty.*

Phụ trách công tác tài chính của Công ty

** Ông Phạm Văn Tân: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty*

Trực tiếp phụ trách công tác sản xuất, công tác an toàn lao động, công tác sửa chữa lớn, quản lý vật tư thiết bị, phụ tùng phục vụ sản xuất.

*** Ông Phạm Quang Liêm: Thành viên HĐQT - Quản đốc Phân xưởng Tiền Hải**

Phụ trách công tác sản xuất phân xưởng Tiền Hải.

Tình hình thực hiện nhiệm vụ của HĐQT

Hội đồng quản trị quyết định các chiến lược phát triển chung của Công ty trong ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.

*** Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ qua các công việc sau:**

- Năm 2010 đã tổ chức nhiều cuộc họp triển khai chỉ đạo thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị ra các nghị quyết giao cho Ban Giám đốc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng.

- Lập chương trình mục tiêu, nhiệm vụ công tác sản xuất kinh doanh đầu tư xây dựng quý I, quý II, quý III, quý IV.

- Lập phương án phát hành tăng vốn điều lệ 2010 theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2010.

- Chỉ đạo và hoàn thành việc chia cổ tức năm 2010 cho các cổ đông, lập phương án phân phối lợi nhuận năm 2010 trình đại hội cổ đông.

- Lập báo cáo Hội đồng quản trị, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2011 trình đại hội cổ đông năm 2011.

- Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý thông qua việc thực hiện chế độ báo cáo thường kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ tại các cuộc họp giao ban về xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, định mức tiêu hao vật tư, kế hoạch tiền lương, kế hoạch sửa chữa, kế hoạch tài chính, kế hoạch giá thành....

4. Đánh giá tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:

Năm 2010 trong bối cảnh nền kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn thách thức, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình đã phát huy tốt vai trò quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các thành viên Hội đồng quản trị đã bám sát mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty, phát huy tinh thần đoàn kết, tập trung làm chủ cùng nhau gánh vác các trọng trách lớn của Công ty. Đã tổ chức thực hiện hoàn thành mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra trên các lĩnh vực, mang lại hiệu quả và lợi ích cho Công ty và cổ đông, góp phần phát triển Công ty ngày càng bền vững.

5. Hoạt động ban kiểm soát Công ty

Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 3 thành viên.

Ban kiểm soát hoạt động trên cơ sở quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát đã xây dựng quy chế hoạt động của Ban và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của Ban.

Ban kiểm soát Công ty thực hiện các hoạt động sau:

- Tham gia các cuộc họp hội đồng quản trị.

- Kiểm soát các chứng từ thu chi của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ sổ sách kế toán theo quy định của bộ tài chính và chuẩn mực kế toán.

- Theo dõi ý kiến cổ đông thông qua các kênh thông tin.

- Xem xét báo cáo tài chính của tổ chức kiểm toán.

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, bộ máy quản lý trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty**a. Công tác tổ chức cán bộ và tổ chức sản xuất:**

- Tiếp tục rà soát, bố trí sắp xếp cán bộ đúng người đúng việc trên cơ sở vì công việc mà bố trí người phụ trách, chọn những cán bộ có kiến thức, năng lực trình độ, có phẩm chất tốt, trung thành, có chí tiến thủ, vì sự phát triển bền vững của Công ty, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Sử dụng cán bộ chuyên môn có hiệu quả.

- Tăng cường công tác tuyển dụng, bồi dưỡng đào tạo cán bộ kế cận cho doanh nghiệp đảm bảo cho doanh nghiệp có đội ngũ cán bộ đủ sức, đủ tài hoàn thành tốt nhiệm vụ thời kỳ hội nhập.

- Sắp xếp lao động phù hợp, cân đối giữa các phân xưởng để sản xuất ổn định, trường hợp nếu thiếu lao động trong dây chuyền sẽ cân nhắc việc thuê khoán lao động ngoài theo thời vụ hoặc đầu tư máy móc cơ giới hoá những khâu có thể trong dây chuyền.

- Duy trì hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001: 2008.

b. Giải pháp thị trường:

Ổn định, đổi mới và phát triển thị trường là vấn đề then chốt quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp vì vậy công tác thị trường phải không ngừng đổi mới và hoàn thiện, tăng cường khâu tiếp thị để mở rộng thị phần, phát triển thị trường, nâng cao trình độ và nghiệp vụ bán hàng, bán hàng qua nhiều kênh, thiết lập chi nhánh, các tổng kho phân phối cho các đại lý và các hộ tiêu thụ một cách hợp lý để giảm thiểu chi phí vận tải, tổ chức tốt dịch vụ chăm sóc khách hàng.

Từng bước tiếp cận thị trường khu vực và thị trường Thế giới, hoàn thiện kỹ năng xuất nhập khẩu, giới thiệu sản phẩm và hình ảnh Công ty tới bè bạn năm châu.

c. Giải pháp về kế hoạch vật tư

- Tăng cường công tác kế hoạch, tham mưu cho HĐQT, Ban Giám đốc hoạch định đúng đường lối phát triển doanh nghiệp và ra quyết định kịp thời, chính xác trong quá trình hội nhập phát triển.

- Đáp ứng đầy đủ nguyên nhiên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất theo các yêu cầu chất lượng do công nghệ đặt ra.

- Tìm kiếm nguồn nguyên liệu phù hợp, ổn định lâu dài, giá thành hạ.

- Điều tiết sản xuất hợp lý, đủ khả năng phục vụ cho thị trường.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế để sản xuất liên tục, không bị gián đoạn.

d. Giải pháp về chất lượng:

Đây là khâu trọng yếu để nâng cao vị thế của sản phẩm và hình ảnh trên thương trường, vì vậy công tác chất lượng phải được kiểm soát chặt chẽ từ vật tư đầu vào đến sản phẩm đầu ra, chất lượng là cả một quá trình, mọi quy trình phải được chấp hành nghiêm túc, phải thực hiện phòng ngừa là chính - khắc phục sửa chữa sự cố là nhất thời và hạn chế tối đa các sai phạm, sự cố xảy ra làm mất uy tín sản phẩm.

Phối hợp chặt chẽ hoạt động giữa phòng KHCN, phòng Kế hoạch vật tư và các phân xưởng để sản phẩm sản xuất ra phù hợp tiêu chuẩn TCVN 5691: 2000

e. Giải pháp về công nghệ:

Tăng cường hợp tác với các nhà khoa học chuyên ngành, các cơ quan khoa học kỹ thuật để lựa chọn những công nghệ tiên tiến, phù hợp với lộ trình phát triển của doanh nghiệp.

Phải phối kết hợp chặt chẽ giữa các phòng ban phân xưởng, cùng ban Giám đốc - HĐQT thường xuyên áp dụng những sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tìm kiếm giải pháp công nghệ hợp lý, tiên tiến để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Tích cực chủ động trong nghiên cứu, triển khai sản phẩm mới góp phần đa dạng hoá sản phẩm.

g. Giải pháp về tài chính:

Để có được mục tiêu của năm 2011 đặt ra, đây là một kỳ vọng rất lớn, đột phá táo bạo cho những năm tiếp theo, hoàn toàn có cơ sở, vì vậy phải chuẩn bị đủ tiền vốn, nguyên nhiên vật liệu phục vụ cho quá trình SXKD, cho đầu tư XDCB đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Huy động mọi nguồn lực, sử dụng đồng vốn hiệu quả, quay vòng vốn nhanh, dự trữ đúng mức, phân loại khách hàng để cung cấp hàng hoá, phải hết sức khoa học và nghệ thuật trong tiêu thụ sản phẩm, không để khách hàng lợi dụng chiếm dụng vốn, nợ đọng dây dưa khó đòi.

- Quản lý chặt chẽ việc mua bán vật tư nguyên nhiên vật liệu, hợp đồng phải được soạn thảo theo đúng quy trình ISO 9001: 2008, thanh lý hợp đồng theo đúng quy định pháp luật, hạn chế tối đa vật tư hàng hoá không có VAT.

- Thanh lý vật tư tồn đọng, kém phẩm chất không tái sử dụng được để thu hồi vốn.

- Căn cứ vào lộ trình phát triển có thể tiến hành huy động nguồn lực thông qua việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu trên thị trường chứng khoán để đầu tư đúng mức trong từng giai đoạn cụ thể.

- Báo cáo hạch toán kế toán định kỳ để phân tích kết quả SXKD, kịp thời phát hiện những phát sinh tiêu cực, bất cập tác động xấu trong quá trình SXKD từ đó phản ứng kịp thời, điều chỉnh hợp lý giúp cho nền tài chính Công ty luôn an toàn và phát triển.

h. Công tác xây dựng cơ bản:

Quản lý đầu tư XDCB nhất thiết phải tuân thủ điều lệ quản lý đầu tư và XDCB, kèm theo nghị định, quyết định, thông tư đã ban hành của Chính phủ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư xây dựng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát, tiêu cực.

Thường xuyên theo dõi, phát hiện, sửa chữa, đầu tư kịp thời nhà xưởng kho tàng, phục vụ sản xuất hiệu quả.

i. Chăm lo lợi ích người lao động và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

Bổ trí đầy đủ việc làm cho số lao động hiện có của Công ty, đảm bảo thu nhập ổn định, bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, thực hiện chế độ BHXH, BHYT cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm để người lao động yên tâm lao động sản xuất, tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động, phát hiện bệnh nghề nghiệp xử lý kịp thời và có hướng sắp xếp lao động cho hợp lý.

k. Công tác Đảng - Đoàn thể và phong trào thi đua

- Xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, Đảng là hạt nhân đề ra những đường lối chiến lược phát triển của doanh nghiệp, vận động quần chúng, công nhân lao động hoàn thành nhiệm vụ chính trị đã đề ra.

- Chăm lo công tác Công đoàn, đoàn thanh niên, tạo điều kiện thuận lợi để hai tổ chức này hoạt động có hiệu quả, từ đó đẩy lên các phong trào thi đua thiết thực, phát hiện các nhân tố tích cực, biểu dương tạo khí thế thi đua sôi nổi, động viên CBCNV kịp thời để mọi người đóng góp tích cực hơn nữa vào sự nghiệp chung của Công ty.

7. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát:

Năm 2010 đã trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát theo các mức sau:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị: 1.938.900 đ/người/tháng.
2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: 1.696.500 đ/người/tháng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị: 1.211.800 đ/ người /tháng.
4. Thành viên Ban kiểm soát: 727.000 đ/người/tháng

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG HẢI ĐƯỜNG
(ĐÃ KÝ)**